

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 06 trang)

Bài thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Môn thi thành phần: SINH HỌC

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 212

Số báo danh:

- Câu 81.** Một loài sinh vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n$. Tế bào sinh dưỡng của thể ba thuộc loài này có bộ nhiễm sắc thể là
A. $2n - 1$. B. $n + 1$. C. $n - 1$. D. $2n + 1$.
- Câu 82.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố tiến hóa?
A. Di - nhập gen. B. Giao phối ngẫu nhiên.
C. Đột biến. D. Chọn lọc tự nhiên.
- Câu 83.** Theo lí thuyết, quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen AaBbDD tạo ra tối đa bao nhiêu loại giao tử?
A. 4. B. 2. C. 6. D. 8.
- Câu 84.** Một quần thể có thành phần kiểu gen là: $0,04AA : 0,32Aa : 0,64aa$. Tần số alen A của quần thể này là bao nhiêu?
A. 0,8. B. 0,2. C. 0,5. D. 0,3.
- Câu 85.** Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật?
A. Tỷ lệ giới tính. B. Loài đặc trưng. C. Thành phần loài. D. Loài ưu thế.
- Câu 86.** Codon nào sau đây quy định tín hiệu mở đầu quá trình dịch mã?
A. $5'XAA3'$. B. $5'AUG3'$. C. $5'AGX3'$. D. $5'GGA3'$.
- Câu 87.** Cho chuỗi thức ăn: Cây lúa → Sâu ăn lá lúa → Éch đồng → Rắn hổ mang → Đại bàng. Trong chuỗi thức ăn này, đại bàng là sinh vật tiêu thụ bậc mấy?
A. Bậc 2. B. Bậc 1. C. Bậc 3. D. Bậc 4.
- Câu 88.** Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm sống trong cùng môi trường là ví dụ về quan hệ
A. cộng sinh. B. ức chế - cảm nhiễm. C. hội sinh. D. kí sinh.
- Câu 89.** Người mắc hội chứng bệnh nào sau đây là thể một?
A. Hội chứng Đào. B. Hội chứng Tơcnơ.
C. Hội chứng Claiphentơ. D. Hội chứng AIDS.
- Câu 90.** Dòng vi khuẩn *E. coli* mang gen mã hóa insulin của người được tạo ra nhờ áp dụng kĩ thuật nào sau đây?
A. Cây truyền phôi. B. Gây đột biến. C. Chuyển gen. D. Nhân bản vô tính.
- Câu 91.** Khi nói về các nhân tố tiến hóa theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Đột biến cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho quá trình tiến hóa.
B. Di - nhập gen có thể làm phong phú vốn gen của quần thể.
C. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể không theo một chiều hướng nhất định.
D. Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố định hướng quá trình tiến hóa.
- Câu 92.** Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, thực vật có hạt và bò sát phát sinh ở kỉ nào sau đây?
A. Kỉ Đệ tứ. B. Kỉ Krêta (Phấn trắng).
C. Kỉ Cacbon (Than đá). D. Kỉ Đệ tam.

Câu 93. Phép lai P: ♀ $X^aX^a \times \text{♂ } X^AY$, thu được F_1 . Biết rằng trong quá trình giảm phân hình thành giao tử cái, cặp nhiễm sắc thể giới tính không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường; Quá trình giảm phân hình thành giao tử đực diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, trong số các cá thể F_1 , có thể xuất hiện cá thể có kiểu gen nào sau đây?

- A. X^AX^aY . B. $X^AX^aX^a$. C. X^AX^AY . D. X^aX^aY .

Câu 94. Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu. Khi nói về chuỗi thức ăn này, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Quan hệ sinh thái giữa tất cả các loài trong chuỗi thức ăn này đều là quan hệ cạnh tranh.
 II. Quan hệ dinh dưỡng giữa sâu ăn lá ngô và nhái dẫn đến hiện tượng khống chế sinh học.
 III. Sâu ăn lá ngô, nhái, rắn hổ mang và diều hâu đều là sinh vật tiêu thụ.
 IV. Sự tăng, giảm số lượng nhái sẽ ảnh hưởng đến sự tăng, giảm số lượng rắn hổ mang.

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 95. Cho biết không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có nhiều loại kiểu gen nhất?

- A. $\frac{Ab}{aB} \times \frac{ab}{ab}$. B. $\frac{AB}{ab} \times \frac{aB}{ab}$. C. $\frac{Ab}{ab} \times \frac{AB}{aB}$. D. $\frac{Ab}{ab} \times \frac{aB}{ab}$.

Câu 96. Khi nói về lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Quần xã sinh vật càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn càng phức tạp.
 B. Lưới thức ăn thể hiện quan hệ dinh dưỡng giữa các loài sinh vật trong quần xã.
 C. Trong một lưới thức ăn, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.
 D. Trong diễn thế nguyên sinh, lưới thức ăn trở nên phức tạp dần.

Câu 97. Khi nói về diễn thế nguyên sinh, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Diễn thế nguyên sinh chỉ chịu tác động của điều kiện ngoại cảnh.
 B. Trong diễn thế nguyên sinh, thành phần loài của quần xã không thay đổi.
 C. Diễn thế nguyên sinh khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.
 D. Kết quả của diễn thế nguyên sinh là hình thành quần xã suy thoái.

Câu 98. Khi nói về đột biến lặp đoạn nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Đột biến lặp đoạn dẫn đến lặp gen, tạo điều kiện cho đột biến gen.
 B. Đột biến lặp đoạn luôn làm tăng khả năng sinh sản của thể đột biến.
 C. Đột biến lặp đoạn làm tăng chiều dài của nhiễm sắc thể.
 D. Đột biến lặp đoạn có thể có hại cho thể đột biến.

Câu 99. Khi nói về quá trình dịch mã, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trên mỗi phân tử mARN có thể có nhiều ribôxôm cùng tham gia dịch mã.
 B. Ribôxôm dịch chuyển trên phân tử mARN theo chiều $3' \rightarrow 5'$.
 C. Anticôdon của mỗi phân tử tARN khớp bổ sung với codon tương ứng trên phân tử mARN.
 D. Axit amin mở đầu chuỗi pôlipeptit ở sinh vật nhân thực là metiônin.

Câu 100. Khi nói về quan hệ giữa các cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể cùng loài thể hiện qua hiệu quả nhóm.
 B. Cạnh tranh cùng loài có thể là nguyên nhân làm mở rộng ổ sinh thái của loài.
 C. Cạnh tranh chỉ xảy ra ở động vật mà không xảy ra ở thực vật.
 D. Cạnh tranh gay gắt dẫn đến những cá thể yếu sẽ bị đào thải khỏi quần thể.

Câu 101. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, các yếu tố ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên có chung đặc điểm nào sau đây?

- A. Chỉ làm thay đổi tần số alen của quần thể.
 B. Quy định chiều hướng tiến hóa.
 C. Có thể làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể.
 D. Cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho quá trình tiến hóa.

- Câu 102.** Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây đúng?
- A. Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các alen mới làm phân hóa vốn gen của các quần thể bị chia cắt.
 - B. Hình thành loài khác khu vực địa lí chỉ gặp ở các loài động vật ít di chuyển.
 - C. Hình thành loài khác khu vực địa lí không chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.
 - D. Hình thành loài khác khu vực địa lí thường diễn ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.

- Câu 103.** Khi nói về kích thước của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây sai?
- A. Nếu kích thước của quần thể vượt mức tối đa, quần thể tất yếu sẽ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
 - B. Kích thước của quần thể dao động từ giá trị tối thiểu đến giá trị tối đa.
 - C. Kích thước tối thiểu là số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển.
 - D. Kích thước tối đa là giới hạn lớn nhất về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 104. Ở ruồi giấm, alen A quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định mắt trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 1 ruồi cái mắt đỏ : 1 ruồi cái mắt trắng : 1 ruồi đực mắt đỏ : 1 ruồi đực mắt trắng?

- A. $X^AX^a \times X^AY$. B. $X^AX^A \times X^aY$. C. $X^AX^a \times X^aY$. D. $X^aX^a \times X^AY$.

Câu 105. Cho cây thân cao, hoa đỏ (P) tự thụ phấn, thu được F_1 gồm 66% cây thân cao, hoa đỏ; 9% cây thân cao, hoa trắng; 9% cây thân thấp, hoa đỏ; 16% cây thân thấp, hoa trắng. Biết rằng mỗi gen quy định một tính trạng, không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, tần số hoán vị gen là

- A. 20%. B. 30%. C. 40%. D. 18%.

Câu 106. Một loài thực vật có 4 cặp nhiễm sắc thể được kí hiệu là Aa, Bb, Dd và Ee. Trong các cơ thể có bộ nhiễm sắc thể sau đây, có bao nhiêu thể một?

- I. AaBbDdEe. II. AaBbdEe. III. AaBbDddEe.
IV. AaBbDdEee. V. AaBbDde. VI. AaaBbDdEe.

- A. 5. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 107. Một quần thể thực vật, alen A quy định hoa đỏ trội không hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng, kiểu gen Aa quy định hoa hồng. Nghiên cứu thành phần kiểu gen của quần thể này qua các thế hệ, người ta thu được kết quả ở bảng sau:

| Thế hệ | P | F_1 | F_2 | F_3 |
|--------------------|-----|-------|-------|-------|
| Tần số kiểu gen AA | 1/4 | 4/9 | 9/16 | 16/25 |
| Tần số kiểu gen Aa | 1/2 | 4/9 | 6/16 | 8/25 |
| Tần số kiểu gen aa | 1/4 | 1/9 | 1/16 | 1/25 |

Cho rằng quần thể này không chịu tác động của nhân tố đột biến, di - nhập gen và các yếu tố ngẫu nhiên. Phân tích bảng số liệu trên, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Cây hoa đỏ không có khả năng sinh sản và quần thể này giao phần ngẫu nhiên.
- B. Cây hoa trắng không có khả năng sinh sản và quần thể này tự thụ phấn nghiêm ngặt.
- C. Cây hoa trắng không có khả năng sinh sản và quần thể này giao phần ngẫu nhiên.
- D. Cây hoa đỏ không có khả năng sinh sản và quần thể này tự thụ phấn nghiêm ngặt.

Câu 113. Một loài thực vật, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa vàng; alen B quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen b quy định quả dài. Cho cây hoa đỏ, quả tròn (P) tự thụ phấn, thu được F₁ gồm 4 loại kiểu hình, trong đó số cây hoa vàng, quả tròn thuần chủng chiếm 4%. Biết rằng không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây sai?

- A. F₁ có 16% số cây hoa vàng, quả tròn.
- B. F₁ có 59% số cây hoa đỏ, quả tròn.
- C. F₁ có 8% số cây đồng hợp tử về cả 2 cặp gen.
- D. F₁ có 10 loại kiểu gen.

Câu 114. Một loài sinh vật ngẫu phối, xét một gen có hai alen nằm trên nhiễm sắc thể thường, alen A trội hoàn toàn so với alen a. Bốn quần thể của loài này đều đang ở trạng thái cân bằng di truyền và có tỉ lệ các cá thể mang kiểu hình trội như sau:

| Quần thể | I | II | III | IV |
|----------------------|-----|-----|-----|-----|
| Tỉ lệ kiểu hình trội | 96% | 64% | 75% | 84% |

Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Quần thể IV có tần số kiểu gen AA là 0,16.
- B. Tần số kiểu gen Aa ở quần thể III lớn hơn tần số kiểu gen Aa ở mỗi quần thể còn lại.
- C. Tần số kiểu gen aa của quần thể I nhỏ hơn tần số kiểu gen aa ở mỗi quần thể còn lại.
- D. Quần thể II có tần số kiểu gen Aa là 0,48.

Câu 115. Phép lai P: ♀ $\frac{AB}{ab}X^DX^d \times \frac{AB}{ab}X^DY$, thu được F₁. Trong tổng số cá thể ở F₁, số cá thể cái

có kiểu hình trội về cả 3 tính trạng chiếm 33%. Biết rằng mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₁ có tối đa 36 loại kiểu gen.
- II. Khoảng cách giữa gen A và gen B là 20 cM.
- III. F₁ có 8,5% số cá thể cái dị hợp tử về 3 cặp gen.
- IV. F₁ có 30% số cá thể mang kiểu hình trội về 2 tính trạng.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 4.
- D. 3.

Câu 116. Một loài thực vật, tính trạng màu hoa do hai cặp gen quy định. Cho hai cây đều có hoa hồng giao phấn với nhau, thu được F₁ gồm 100% cây hoa đỏ. Cho các cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 56,25% cây hoa đỏ : 37,5% cây hoa hồng : 6,25% cây hoa trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₂ có 5 loại kiểu gen quy định kiểu hình hoa hồng.
- II. Trong tổng số cây hoa đỏ ở F₂, số cây không thuần chủng chiếm tỉ lệ 8/9.
- III. Cho tất cả các cây hoa hồng ở F₂ giao phấn với tất cả các cây hoa đỏ ở F₂, thu được F₃ có số cây hoa trắng chiếm tỉ lệ 1/27.
- IV. Cho tất cả các cây hoa hồng ở F₂ giao phấn với cây hoa trắng, thu được F₃ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 1 cây hoa đỏ : 2 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.

- A. 4.
- B. 3.
- C. 1.
- D. 2.

